TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2017/HC-PT
Ngày 06 tháng 9 năm 2017
V/v khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Tiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 163/2017/TLPT-HC ngày 02 tháng 8 năm 2017 về: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 50/2017/HC-ST ngày 30/06/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Đình B, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. Người bị kiện: Uỷ ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Quang M – Phó Chủ tịch (Giấy ủy quyền ngày 15/5/2017)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1953.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: Ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H trình bày:

Năm 1983, ông B và bà H khai hoang vỡ hóa đất rừng tại Đồi Giao thông để trồng lúa, bắp, khoai, sắn; diện tích khoảng hơn 10.0000 m^2. Sau đó, ông bà có cho vợ chồng ông Lê Văn N, bà Đỗ Thị V mượn trồng lúa một thời gian. Đến năm 2006 ông N, bà V trả lại đất. Tháng 02/2007, ông bắt đầu trồng lứa keo đầu tiên. Tháng 02/2014, ông bà khai thác lứa keo thứ nhất và trồng lứa thứ hai thì ông Nguyễn Ngọc M tranh chấp vì cho rằng đất này hộ ông M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 03/7/2015, UBND thị trấn P tổ chức hòa giải lần thứ nhất, ông M cho rằng năm 1996 ông được giao đất và đến năm 2001 ông được cấp sổ đỏ. Ông B không chấp nhận vì vợ chồng ông khai hoang đất từ năm 1983, có người mượn sản xuất đến nay vẫn còn nhân chứng, ông M đã tự ý lấy của vợ chồng ông hơn 800 m^2 đất đưa vào sổ đỏ. Ngày 27/7/2015, UBND thị trấn P tổ chức hòa giải lần thứ hai, ông M vẫn cho rằng ông đã có sổ đỏ 19.100 m^2 đất, nay đất của ông không đủ nên yêu cầu ông B, bà H trả lại 800 m^2 đất.

Ông B bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giao đất lâm nghiệp của UBND huyện H (nay là huyện Đ) về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Nguyễn Ngọc M vào năm 1996; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng đã cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc M và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện H (nay là huyện Đ) cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc M vào ngày 01/3/2001.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng cho hộ ông Nguyễn Ngọc M đúng theo hồ sơ địa chính, phù hợp theo quy định của pháp luật, có ranh giới, tọa độ rõ ràng.

Ông B bà H cho rằng ông bà khai hoang và sử dụng đất ổn định từ năm 1983 nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh. Do đó việc UBND huyện H (nay là huyện Đ) ban hành Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 27/3/1996 về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Nguyễn Ngọc M và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng, đất rừng cho hộ ông Nguyễn Ngọc M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Yêu câu khởi kiện của ông B, bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị Liên trình bày:

Thửa đất ông đang sử dụng là do bản thân tự khai hoang từ khu đất của

Hạt kiểm lâm huyện H đã trồng bạch đàn từ năm 1986 mà không có hiệu quả nên cấp cho các hộ dân ở thị trấn P. Theo biên bản giao đất, nhận đất ngày 06/12/1995 của Hạt kiểm lâm huyện H do ông Phan T - quyền Hạt trưởng và ông Đặng Quang P - Chủ tịch UBND thị trấn P lúc bấy giờ đã ký. Trên cơ sở đó, UBND huyện H ban hành Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 27/3/1996 giao đất lâm nghiệp cho ông M với diện tích l,8 ha. Gia đình ông sử dụng trồng quế, keo cho đến bây giờ. Đến ngày 01/3/2001, gia đình ông M được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận với diện tích 19.100 m^2, mục đích sử dụng trồng rừng, thời hạn sử dụng đến năm 2050.

Trên thửa đất của ông phần trên đỉnh tiếp giáp với đất của bà Phạm Thị H1, diện tích ông B lấn chiếm của ông từ đất của bà H1 sang khoảng 800 m^2 là do năm 2002 gia đình ông trồng keo bị heo rừng phá keo chết nên bị ông B chiếm dụng. Năm 2005, ông B thu hoạch keo, gia đình ông đòi lại nhưng ông B không trả. Vì vậy, ông khiếu nại lên UBND thị trấn P, UBND thị trấn đã tổ chức hòa giải 2 lần nhưng không thành. Ông khởi kiện vụ án dân sự đến TAND huyện Đ. Sau đó, TAND huyện Đ vận động ông rút đơn để năm 2016 khởi kiện lại và TAND huyện Đ đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 50/2017/HC-ST ngày 30/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

"Căn cứ vào khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính 2015; khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai 1993; Điều 14 Nghị định số 02/CP ngày 15-01-1994 của Chính phủ về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 27/3/1996 của Ủy ban nhân dân huyện H (nay là huyện Đ) về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Nguyễn Ngọc M; Bác yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng mà ủy ban nhân dân huyện H (nay là huyện Đ) đã cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc M; và bác yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 197300 ngày 01/3/2001 mà Ủy ban nhân dân huyện H (nay là huyện Đ) cho hộ ông Nguyễn Ngọc M."

Ngày 10/07/2017, ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Lý do kháng cáo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc M đã chồng lấn lên 800m^2 diện tích đất rừng do ông và bà H khai phá từ năm 1983.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo tại đơn kháng cáo ngày 10/07/2017, đồng thời bổ sung thêm nội dung kháng cáo yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 863295 ngày 18/8/2009 diện tích 12.063m2 cấp cho ông Nguyễn Ngọc M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo. Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Thực hiên chủ trương phát triển kinh tế hộ gia đình trên địa bàn huyện, ngày 27/3/1996, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 82/QĐ-UB giao cho hộ ông Nguyễn Ngọc M 1,8 ha đất trống đồi trọc để trồng rừng theo đơn ngày 06/12/1995 của hộ ông Nguyễn Ngọc M gởi Ủy ban nhân dân huyện H xin nhận đất, nhận rừng.

[2] Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 27/3/1996 giao cho hộ ông M 1,8 ha đất trống đồi trọc để trồng rừng là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 1993, phù hợp với phương án quản lý, sử dụng rừng của địa phương theo qui định tại Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ quy định về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Trên thực địa, hộ ông M được Hạt kiểm lâm huyện H và Ủy ban nhân dân thị trấn P lập biên bản bàn giao đất rừng.

[3] Trên cơ sở Quyết định giao đất rừng, hộ ông M được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng với diện tích 1,8 ha, sơ đồ vị trí có tứ cận phía Đông giáp vườn ông Đ, phía Tây giáp rẫy ông T, phía Nam giáp đường ô tô, phía Bắc giáp đỉnh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng không thể hiện ngày, tháng, năm cấp là thiếu sót của Ủy ban nhân dân huyện H.

[4] Ngày 01/3/2001, hộ ông M được Ủy ban nhân dân huyện H cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 197300 với diện tích 19.100m^2 tại thửa số N69/117, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng trồng rừng, thời hạn sử dụng đến năm 2050. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 197300 được cấp theo Quyết định số 134/QĐ-UB ngày 01/3/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H v/v "cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo Nghị định số 163/1999/NĐ-CP tại Thị trấn P" là phù hợp với qui định của pháp luật tại khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993, Điều 14 Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ quy định về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

[5] Như vậy, sau khi Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 197300 ngày 01/3/2001 thì Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 27/3/1996 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng không thể hiện ngày, tháng, năm của Ủy ban nhân dân huyện H không còn hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là phù hợp.

[6] Ông B cho rằng diện tích đất rừng ông M được giao theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 197300 ngày 01/3/2001 đã lấn chiếm của ông

800m^2 đất nhưng không có chứng cứ chứng minh. Số liệu 800m^2 ông biết được do ông M kiện đòi ông trả lại 800m^2 tại vụ án dân sự. Ông B trình bày đất rừng ông khai hoang từ năm 1983, tuy nhiên, Ông B không sử dụng đất liên tục ổn định, có thời gian cho người khác mượn canh tác. Mặt khác, Ông B không kê khai đăng ký đất đai hoặc làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giao đất rừng để sản xuất. Ông B chưa tiến hành các thủ tục xác lập quyền sử dụng hợp pháp đất rừng. Do đó, không có cơ sở xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 197300 ngày 01/3/2001 cấp cho hộ gia đình ông M đã xâm phạm đến quyền lợi của Ông B, bà H.

[7] Do đó, kháng cáo của Ông B, bà H không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà H là có căn cứ.

[8] Về kháng cáo bổ sung của ông B, bà H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 863295 ngày 18/8/2009 diện tích 12.063m^2 cấp cho ông M, nhận thấy: Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông B, bà H không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 863295 ngày 18/8/2009. Mặt khác, theo trình bày của Ủy ban nhân dân huyện Đông Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 863295 ngày 18/8/2009 không được phát hành do có chồng lấn về diện tích. Ủy ban nhân dân huyện Đ đang đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cho tiến hành rà soát chỉnh lý biến động đối với diện tích chồng lấn theo qui định của Luật Đất đai. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo bổ sung của ông B, bà H.

[9] Ông B, bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H.

Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 50/2017/HC-ST ngày 30/06/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

1. Bác đơn khởi kiện của ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H yêu cầu hủy: Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 27/3/1996 của Ủy ban nhân dân huyện H (nay là huyện Đ) về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Nguyễn Ngọc M; Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là huyện Đ) cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc M và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 197300 ngày 01/3/2001 do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là huyện Đ) cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc M.

2. Án phí hành chính sơ thẩm ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H phải chịu là 200.000đ, đã nộp tại biên lai số 000352 ngày 17/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Án phí hành chính phúc thẩm ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H phải chịu là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0000027 ngày 24/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự